

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2025/HS-PT
Ngày 04-6-2025.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Trường.

Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quốc Phong – Thư ký TAND tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Đinh Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 61/2025/TLPT-HS ngày 21 tháng 4 năm 2025 đối với bị cáo Vũ Xuân L do có kháng cáo của bị cáo Vũ Xuân L đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 23/2025/HS-ST ngày 10 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

- Bị cáo có kháng cáo: **Vũ Xuân L**, sinh năm 1975, tại Hải Dương. Nơi cư trú: Thôn G, xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Văn L1, ông L1 được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba; con bà Đoàn Thị D; vợ Phạm Thị Đ (là bị cáo trong vụ án), có 03 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2009.

Bị cáo Vũ Xuân L là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng kể từ ngày 31/10/2024.

Nhân thân, tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại, vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Ngoài ra còn có 3 bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Xuân L và Phạm Thị Đ là vợ chồng sinh sống tại huyện G, tỉnh Hải Dương làm nghề buôn bán hương (nhang), vàng mã từ khoảng năm 2015. L có mua hương trần (hương không đóng túi hoặc đóng túi bóng trắng không có địa chỉ nhãn mác) do Nguyễn Xuân M tự sản xuất về bán. Cuối năm 2022, do thấy hương Thu H1 có giá trị cao, dễ bán nên L nảy sinh ý định làm giả hương Thu H1 để bán kiếm lời bằng cách đóng hương trần mua của M vào vỏ túi đựng hương Thu H1 giả.

Luyện trao đổi với Đ về việc làm giả hương Thu H1 để bán, Đ đồng ý. L nói với M về việc muốn sản xuất hương Thu Hiền giả, vì muốn bán được nhiều hương trần cho L nên M cho số điện thoại 0979.676.106 của Đỗ Hồng T để L mua túi đựng hương giả. L bảo Đ liên hệ với T. Đàm sử dụng điện thoại số 0705.545.352 cài đặt tài khoản Zalo tên "Đàm Luyện" kết bạn với tài khoản Zalo "Do Hong Thuy" được đăng ký bằng số điện thoại 0979.6761.06 của T, Đàm lưu trong danh bạ điện thoại và Zalo tên của T là "Tui Minh H". Đàm gọi điện qua zalo cho T giới thiệu Đ là người mua hương trần của M và đặt mua vỏ túi đựng hương Thu H1 giả.

L lấy các mẫu vỏ túi hương nhãn hiệu hương Thu Hiền thật đang bán ngoài thị trường là: Cô tiên đỏ, Cô tiên trắng và Cao cấp 38 để chụp ảnh và đưa ảnh cho Đ. Đàm gửi ảnh qua ứng dụng Zalo cho T và đặt mua 30 kg túi đựng hương nhãn hiệu hương Thu H1 với giá 100.000 đồng/1kg vỏ túi. Tuy biết Đ đặt mua vỏ túi đựng hương giả để sản xuất hương Thu H1 giả nhưng T vẫn đồng ý. Thúc tìm và đặt mua của một người trên mạng xã hội Facebook (không xác định được người này là ai, ở đâu) 40kg vỏ túi đựng hương Thu Hiền giả gồm các loại: Cao cấp 38, Cô tiên đỏ, Cô tiên trắng theo mẫu Đ gửi với giá 94.000 đồng/ 1kg vỏ túi, không mất tiền vận chuyển. Vài ngày sau, T nhận được 40kg vỏ túi đựng hương Thu Hiền giả đựng trong 01 bao tải do người bán gửi theo xe khách (không xác định được biển số xe, người giao hàng). T lấy 10 kg vỏ túi đựng hương giả ra khỏi bao và nhờ chồng Nguyễn Huy D1, chở bao tải chứa 30 kg vỏ túi đựng hương Hương Thu H1 giả còn lại đi giao cho Đ với giá 3.000.000 đồng (Anh D1 không biết bao tải chứa túi đựng hương giả nên đồng ý đi giao). T còn một vài lần đặt mua túi đựng hương Thu Hiền giả để bán cho Đ, do đã lâu nên T không nhớ chính xác số lượng vỏ túi đựng hương. Tuy nhiên, những lần sau Đàm đặt số lượng ít nên T không chở vỏ túi đựng hương giả đến nhà Đ. M trên đường mang hương trần bán cho vợ chồng L đã qua nhà T lấy vỏ túi đựng hương Thu H1 giả mang cho L, Đ. Do đã lâu, M không nhớ cụ thể đã giao bao nhiêu lần, chỉ mỗi lần khoảng 5 đến 10 kg các loại túi hương Cô tiên đỏ, C tiên trắng và Cao cấp 38. M chỉ giao vỏ túi đựng hương giả cho L mà không lấy tiền công. Chỉ có lần cuối cùng, vào khoảng tháng 10 năm 2023, T tính tiền 10kg vỏ túi đựng hương giá 95.000 đồng/01kg, khi giao cho vợ chồng Đàm L2, M vẫn tính giá 100.000 đồng/01kg.

Luyện tự sản xuất hương Thu H1 giả tại chỗ ở của L2. L2 sử dụng các vỏ túi đựng hương giả loại túi “thẻ hương”, cho hương trần vào vỏ túi, dùng máy dập hàn miệng túi “thẻ hương”. L2 sử dụng hương trần mua của M, loại bó sẵn 100 nén hương, chia thành 04 phần và đút vào 04 vỏ “thẻ hương”, hoàn thiện “thẻ

hương” vào các túi hương, mỗi túi hương có 10 “thẻ hương” giả và dập hàn miệng túi hương. Đối với các loại hương Cao cấp 38, L2 dùng loại hương trần dài 38cm; còn loại cô tiên trắng, cô tiên đỏ dùng loại hương trần dài 43cm. L2 đóng các gói hương giả hoàn thiện vào thùng cát tông, mỗi thùng đóng gói khoảng 60 gói để cất kho hàng. Sau này, L2 sẽ lấy ra và vận chuyển dần để đi bán kiếm lời. Việc sản xuất, buôn bán hương giả hương Thu H1 chủ yếu do L2 thực hiện, Đ thỉnh thoảng tham gia cho các túi hương giả đã hoàn thiện vào thùng cát tông để bảo quản, vận chuyển sang kho hàng tại địa chỉ thôn G, xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương cất giữ.

Sau khi sản xuất hương giả, L2 điều khiển xe máy, biển số 34B1-941.07, đăng ký tên Phạm Thị Đ chở hương giả đi bán tại các cửa hàng nhỏ lẻ trên địa bàn huyện G. Đối với hương giả hương Thu H1 loại Cô tiên trắng và C tiên đỏ, L2 bán ra với giá 40.000đ/01 túi hương, đối với hương giả Hương Thu H1 loại Cao cấp 38, L2 bán ra với giá 20.000đ/01 túi hương. L2 không nhớ đã bán hương giả cho các cửa hàng nào. Tuy nhiên xác định được, khoảng giữa tháng 01/2024, L2 đã bán cho chị Vũ Thị M1, sinh năm 1982 và bà Vũ Thị M2, sinh năm 1966 đều ở thôn T, xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương, mỗi nhà 02 túi hương, bên trong túi hương có 10 “thẻ hương” giả loại Cao cấp 38 với giá 20.000đ/túi hương. Chị M1 đã bán hết số hương mua của L2 cho người dân tiêu dùng; bà M2 đã bán hết 01 túi hương và 06 “thẻ hương” cho người dân tiêu dùng, bà M2 chỉ còn lại 04 “thẻ hương” loại Cao cấp 38 mua của L2 đã giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an huyện G.

Ngày 28/01/2024, Công an huyện G phối hợp với Đội quản lý thị trường số 3 Chi cục quản lý thị trường tỉnh H làm việc và phát hiện Vũ Xuân L đang đóng gói, sản xuất hương giả tại chỗ ở của Vũ Xuân L. Thu giữ tại nhà ở thôn H, xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương và kho chứa hàng của L gồm:

+ H2 thành phẩm: 2.013 túi hương giả Hương Thu H1, loại hương Cao cấp 38, bên trong mỗi túi có 10 “thẻ hương” giả; 51 túi hương giả Hương Thu H1, loại hương Cô tiên đỏ, bên trong mỗi túi có 10 “thẻ hương” giả; 06 “thẻ hương” giả hương Thu H1, loại hương Cô tiên đỏ; 37 túi hương giả Hương Thu H1, loại hương Cô tiên trắng, bên trong mỗi túi có 10 “thẻ hương” giả; 07 “thẻ hương” giả Hương Thu H1, loại hương Cô tiên trắng.

+ 200 “thẻ hương” giả hương Thu H1, loại hương Cao cấp 38 chưa dập hàn miệng túi; 28 vỏ túi hương Thu H1, loại hương Cao cấp 38; 40 vỏ “thẻ hương” Thu Hiền, loại hương Cao cấp 38; 180 vỏ “thẻ hương” Thu Hiền, loại hương Cô tiên đỏ; 140 vỏ “thẻ hương” Thu Hiền, loại hương Cô tiên trắng.

+ Đối với loại hương trần: 21 túi nilon, trong mỗi túi nilon đều có 01 bó hương, các túi nilon đều không có gắn nhãn hiệu, hình ảnh, chữ viết.

+ 01 chiếc máy dập hàn miệng túi, ghi nhãn TÂN THANH model M5, là máy để dập hàn miệng các túi, thẻ hương giả.

Vũ Xuân L, Phạm Thị Đ đều khai nhận toàn bộ số vật chứng thu giữ trên là hương giả, vật liệu, công cụ để sản xuất hương Thu Hiền giả của L, Đ. Trong

đó túi đựng hương L, Đ mua của T, hương trần mua của M, không mua của ai khác. Đối với 200 “thẻ hương” giả hương Thu H1, loại hương Cao cấp 38 chưa dập miệng túi, L trình bày đang dập miệng túi nhưng chưa kịp thực hiện thì bị lực lượng Công an kiểm tra, đã giao nộp. Nếu không bị kiểm tra, L sẽ hoàn thiện nốt số thẻ hương trên đóng túi mang bán. Luyện, Đ tự nhận định việc sản xuất, bán hương giả đã thu lời số tiền 3.718.600 đồng. Nguyễn Xuân M tự nhận bán hương trần và giao vỏ túi hương giả đã thu lời 2.770.000 đồng. Đỗ Hồng T tự nhận bán vỏ túi hương giả đã thu lời 360.000 đồng.

Chủ cơ sở kinh doanh H4 xác định: Cơ sở kinh doanh H4 hoạt động dưới hình thức Hộ kinh doanh, có tên là: BÙI THỊ H3 (HƯƠNG THU HIỀN), và đã đăng ký bảo hộ nhãn hiệu tại Cục S - Bộ K và Công nghệ; đăng ký chứng nhận ISO 9001:2015, công bố chất lượng (tiêu chuẩn cơ sở) đối với hương nhang sản xuất. Cơ sở chỉ lưu hành ra thị trường các gói hương đã thành phẩm, không bán riêng hay lưu hành riêng các bộ phận như: H2 trần, vỏ túi đựng hương ra thị trường; chưa từng thực hiện bất kỳ giao dịch và không thuê sản xuất, buôn bán đối với Vũ Xuân L, Phạm Thị Đ, Nguyễn Xuân M và Đỗ Hồng T. Sau khi được Cơ quan CSĐT- Công an huyện G cho xem bản ảnh các mẫu vỏ túi đựng hương và hương thành phẩm do Vũ Xuân L sản xuất, chủ cơ sở hương Thu H1 xác định: Các loại hương thành phẩm do Vũ Xuân L sản xuất rất giống chủng loại hàng thật về mẫu mã, kích thước, trọng lượng, nếu khách hàng nhìn bằng mắt thường khó có thể phân biệt được. Về quy cách đóng gói, địa chỉ ghi trên vỏ túi đựng hương cũng giống địa chỉ thật của cơ sở đã được đăng ký chứng nhận hộ kinh doanh, đăng ký thương hiệu, nhãn hiệu hàng hóa tại Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ K và Công nghệ.

Tại Kết luận giám định số 46/KL-KTHS ngày 29/02/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh H, kết luận: Vỏ túi đựng hương, vỏ túi “thẻ hương” các loại (Cao cấp 38, Cô tiên đỏ, Cô tiên trắng) trên mẫu cân giám định với vỏ túi đựng hương, vỏ túi “thẻ hương” tương ứng trên mẫu so sánh không được in ra từ cùng một biểu mẫu. Đối với yêu cầu giám định thành phẩm hương: Hiện tại Phòng K1 - Công an tỉnh H chưa triển khai lĩnh vực giám định này.”

Tại Kết luận giám định số 2496/KL-KTHS ngày 12/4/2024 của V - Bộ C1 ban, kết luận: Các lớp in trên vỏ gói lớn các mẫu cân giám định (Cao cấp 38, Cô tiên đỏ, Cô tiên trắng) so với các lớp in trên vỏ gói lớn các mẫu so sánh tương ứng không phải do cùng các bản in tương ứng in ra. Các lớp in trên vỏ gói nhỏ các mẫu cân giám định (Cao cấp 38, Cô tiên đỏ, Cô tiên trắng) so với các lớp in trên vỏ gói nhỏ các mẫu so sánh tương ứng không phải do cùng các bản in tương ứng in ra.

Ngày 05/4/2024 V - Bộ C1 ban hành Công văn số 956/C09-P4 về việc từ chối thực hiện giám định đối với việc giám định giá trị sử dụng, công dụng, chất lượng, đặc tính kỹ thuật của hương, nội dung cụ thể: Qua nghiên cứu hồ sơ, V thấy: mẫu gửi giám định và mẫu so sánh đều là hương được sản xuất thủ công và trong bản Tiêu chuẩn cơ sở của Cơ sở sản xuất hương H4 không nêu cụ thể chỉ tiêu định lượng về thành phần hóa học trong sản phẩm nên không đủ cơ sở để tiến

hành giám định so sánh về chất lượng của mẫu gửi giám định. Ngoài ra các yêu cầu giám định về giá trị sử dụng, công dụng, yêu cầu kỹ thuật của sản phẩm không thuộc chức năng của V.

Kết luận định giá tài sản số 10/KLĐG-HĐ ngày 09/5/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện G, kết luận: Tổng giá trị của toàn bộ các tài sản cần định giá nêu trên (gồm: 2013 túi hương Thu H1, loại hương Cao cấp 38; 204 thẻ hương Thu H1, loại hương Cao cấp 38; 37 túi hương Thu H1, loại hương Cô tiên trắng; 7 thẻ hương Thu H1, loại hương Cô tiên trắng; 51 túi hương Thu H1, loại hương Cô tiên đỏ; 6 gói thẻ hương Thu H1, loại hương Cô tiên đỏ) tại thời điểm ngày 28/01/2024 là 170.895.000 đồng + 952.000 đồng (200 thẻ hương Thu Hiền cao cấp 38 chưa đập miệng túi) + 170.895.000 = 171.847.000 đồng (Một trăm bảy mươi một triệu, tám trăm bốn mươi bảy nghìn đồng).

Tại Kết luận định giá tài sản số 17/KLĐG-HĐ ngày 22/7/2024, Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện G, kết luận: Tổng giá trị của 3 túi hương Thu H1, loại hương cao cấp 38 và 06 thẻ hương Thu H1, loại hương Cao cấp 38 tại thời điểm ngày 28/01/2024 là 288.000 đồng (Hai trăm tám mươi tám nghìn đồng).

Như vậy, số lượng hương Thu H1 giả thu giữ của L, Đ và của L bán cho chị Vũ Thị M1, bà Vũ Thị M2 tương đương với hàng thật có giá trị là 171.847.000 đồng + 288.000 đồng = **172.135.000 đồng** (Một trăm bảy mươi hai triệu, một trăm ba mươi năm nghìn đồng).

Về trách nhiệm dân sự: Đại diện Cơ sở kinh doanh hương Thu Hiền không yêu cầu bồi thường về dân sự; Bị cáo Vũ Xuân L, Phạm Thị Đ, Nguyễn Xuân M đã bồi thường cho bà Vũ Thị M2 số tiền bà M2 đã bỏ ra mua 04 thẻ hương giả. Bà M2 không yêu cầu gì về dân sự.

Tại bản án Hình sự sơ thẩm số 23/2025/HS-ST ngày 10 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương đã quyết định:

Căn cứ điểm đ khoản 2, khoản 4 Điều 192; Điều 38; Điều 17; Điều 58; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, đối với Vũ Xuân L.

Tuyên bố Vũ Xuân L phạm tội Sản xuất, buôn bán hàng giả.

Xử phạt bị cáo Vũ Xuân L 38 (ba mươi tám) tháng tù, thời hạn tính từ ngày thi hành án.

Hình phạt bổ sung: phạt bị cáo Vũ Xuân L 20.000.000đ

Truy thu của bị cáo số tiền thu lời bất chính 1.859.300 đồng.

Ngoài ra bản án có quyết định hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Xuân M, Phạm Thị Đ, Đỗ Hồng T; xử lý vật chứng, án phí.

Ngày 10/3/2025, bị cáo Vũ Xuân L kháng cáo phần hình phạt chính của bản án hình sự sơ thẩm, xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên toà Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vũ Xuân L; sửa bản án hình sự sơ thẩm số 23/2025/HS-ST ngày 10 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương đối với Vũ Xuân L.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 192; Điều 17; Điều 58; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự, đối với Vũ Xuân L.

Xử phạt bị cáo Vũ Xuân L 36 tháng tù cho hưởng án treo với thời gian thử thách là 60 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (04/6/2025) về tội Sản xuất, buôn bán hàng giả.

Giao bị cáo Vũ Xuân L cho Ủy ban nhân dân xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội về án lệ phí Toà án.

Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của bị cáo trong thời hạn luật định, là kháng cáo hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm; Bị cáo có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên toà án xét xử vắng mặt bị cáo.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên toà sơ thẩm phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng và phù hợp với tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, nên có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng cuối năm 2022, Vũ Xuân L biết nhãn hiệu hương Thu H1 có giá trị cao, dễ bán nên đã nảy sinh ý định mua vỏ túi hương Thu H1 giả để đóng cùng với hương trần của Nguyễn Xuân M làm giả hương Thu H1 thật để bán. L đã bàn bạc với vợ là Phạm Thị Đ và được Đ đồng ý. Biết L mua túi đựng hương Thu Hiền giả nhưng vì muốn bán được nhiều hương trần nên M giới thiệu Đỗ Hồng T là người bán vỏ túi hương Thu Hiền giả. Đàm giúp L gửi mẫu và liên lạc với T đặt mua túi đựng hương giả. T đặt mua túi đựng hương Thu Hiền giả trên mạng bán cho L, Đ để L, Đ sản xuất hương Thu H1 giả. Tại chỗ ở của mình tại thôn H, xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương, L tiến hành sản xuất hương Thu H1 giả, Đ giúp đóng gói hương vào thùng cát tông để vận chuyển đến cất ở kho tại thôn G, xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương và mang đi bán dần. L đã bán cho bà Vũ Thị M2 và Vũ

Thị M1 mỗi người 02 túi hương Cao cấp 38, thu được 04 thẻ hương Cao cấp 38 do bà M2 giao nộp. Ngày 28/01/2024, CQĐT đã phát hiện thu giữ số lượng hương giả thương hiệu hương Thu H1 do L sản xuất gồm: 2013 túi (mỗi túi chứa 10 thẻ hương) Cao cấp 38; 51 túi hương + 6 thẻ hương Cô tiên đỏ; 37 túi hương + 7 thẻ hương Cô tiên trắng; 200 thẻ hương Cao cấp 38 chưa dập miệng túi; các vật liệu, công cụ để sản xuất hương. Như vậy, tổng giá trị hương Thu H1 giả tương đương với số lượng hàng thật mà các bị cáo đã sản xuất và bán là 172.135.000 đồng.

Với hành vi nêu trên, Toà án nhân dân huyện Gia Lộc đã kết án bị cáo Vũ Xuân L cùng đồng phạm về tội Sản xuất, buôn bán hàng giả theo điểm đ khoản 2 Điều 192 Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt chính và hưởng án treo thì thấy:

Toà án cấp sơ thẩm căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, vai trò của bị cáo trong đồng phạm, nhân thân, áp dụng đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử phạt bị cáo 38 tháng tù là phù hợp; tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm bị cáo L đã ăn năn hối cải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền phạt bổ sung, tiền truy thu theo quyết định của bản án sơ thẩm. Đây là tình tiết giảm nhẹ mới, quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần áp dụng thêm cho bị cáo. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm cần chấp nhận kháng cáo, giảm mức hình phạt tù, xử bị cáo 36 tháng tù về tội Sản xuất, buôn bán hàng giả.

Xét thấy: bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội; bị cáo có vai trò đầu nhưng là trong đồng phạm giản đơn, do vậy không cần thiết phải buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù tại cơ sở giam giữ mà áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự, cho bị cáo hưởng án treo, cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát của chính quyền nơi cư trú trong thời gian thử thách, cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa tội phạm.

[4] Về án phí: Kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vũ Xuân L; sửa bản án hình sự sơ thẩm số 23/2025/HS-ST ngày 10 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương đối với Vũ Xuân L.

2. Điều luật áp dụng và hình phạt chính:

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 192; Điều 17; Điều 58; điểm b, s khoản 1,

khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với Vũ Xuân L.

Xử phạt bị cáo Vũ Xuân L 36 (ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo với thời gian thử thách là 60 (sáu mươi) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (04/6/2025) về tội Sản xuất, buôn bán hàng giả.

Giao bị cáo Vũ Xuân L cho Ủy ban nhân dân xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội về án lệ phí Tòa án

Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án (04/6/2025).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh HD;
- TAND huyện Gia Lộc;
- CQHSNV Công an tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện Gia Lộc.
- Chi cục THADS huyện Gia Lộc;
- Bị cáo;
- Lưu Tòa; lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Văn Cường